

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

- 1) Đầu tư xây dựng NMNĐ Vũng Áng II là phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 20011-2020, có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 428/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 3 năm 2016. Đầu tư xây dựng NMNĐ Vũng Áng II thuộc Trung tâm Điện lực Vũng Áng tại Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh cũng phù hợp với Quyết định số 2582/QĐ-BCN, ngày 20 tháng 9 năm 2006 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể Trung tâm Điện lực Vũng Áng, và phù hợp với chủ trương phát triển ngành điện của Nhà nước, cũng như phù hợp với Quyết định số 1076/2007/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2007, đồng thời phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Kỳ Anh và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Dự án đầu tư NMNĐ Vũng Áng II cũng phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2010-2020 được phê duyệt theo Quyết định số 2797/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh, ngày 27/9/2010, và phù hợp với Quyết định số 1221/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh, ngày 10/4/2015 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015-2020;
- 2) Dự án NMNĐ Vũng Áng II với quy mô công suất 2x660MW cung cấp điện cho hệ thống điện khu vực và toàn bộ hệ thống điện Việt Nam trong giai đoạn từ 2022 trở đi, giảm tổn thất truyền tải và góp phần nâng cao độ tin cậy cho hệ thống điện. Dự án NMNĐ Vũng Áng II góp phần tăng tỷ lệ nhiệt điện trong cơ cấu nguồn điện Việt Nam, và tạo điều kiện để cải thiện chế độ vận hành hệ thống điện, tăng độ an toàn cung cấp điện vào mùa khô và những tháng thiếu nước;
- 3) Dự án NMNĐ Vũng Áng II là một dự án mang lại nhiều lợi ích về kinh tế - xã hội, khi đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện cơ bản để ổn định và phát triển nền công nghiệp, kinh tế xã hội và thúc đẩy đầu tư theo kế hoạch phát triển tổng thể của KKT Vũng Áng, cũng như tỉnh Hà Tĩnh, và khu vực lân cận, góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng nguồn thu ngân sách từ dự án cho địa phương.
- 4) Khu vực dự kiến xây dựng NMNĐ Vũng Áng II có điều kiện tự nhiên cũng như kinh tế xã hội rất thuận lợi để phát triển một dự án nhiệt điện. Hiện tại chất lượng môi trường khu vực còn tương đối tốt, với đa số các chỉ tiêu chất lượng không khí, nước ngầm, nước mặt còn rất thấp so với tiêu chuẩn cho phép;
- 5) Mặt bằng dự án NMNĐ Vũng Áng II là vùng diện tích đất thuộc Trung tâm Điện Lực Vũng Áng đã được quy hoạch và phê duyệt trong Quy hoạch tổng thể Trung tâm Điện lực Vũng Áng. Theo hợp đồng nguyên tắc thuê quyền sử dụng đất giữa VAPCO và Ban Quản lý KKT tỉnh Hà Tĩnh, VAPCO sẽ được bàn giao mặt bằng

“sạch” vào trước khi khởi công dự án (quý 3, năm 2018). Khu vực dự án không có các khu sinh thái được bảo vệ như rừng quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; cũng không có di chỉ khảo cổ hoặc di tích lịch sử - văn hoá – tôn giáo nào;

- 6) Bên cạnh rất nhiều những tác động tích cực mà dự án mang lại, dự án tồn tại một số yếu tố tác động tiêu cực tới môi trường nhưng hoàn toàn kiểm soát và giảm thiểu được. Báo cáo đã nhận dạng đầy đủ và đánh giá chi tiết / toàn diện phạm vi và mức độ của các yếu tố tác động. Một số tác động tiêu cực có thể có của dự án và biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực này như sau:

Các tác động trong giai đoạn xây dựng nhà máy:

- Có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước, gây ồn, rung, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng dân cư gần khu vực dự án. Các tác động này được coi là tiêu cực cho các cộng đồng dân cư sống quanh khu vực dự án;
- Có khả năng gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái tự nhiên xung quanh khu vực dự án. Trong nghiên cứu trước đây, tác động đáng kể do khí thải và bụi từ các động cơ chạy dầu diesel của các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng và thiết bị trong giai đoạn xây dựng. Tuy nhiên các tác động này có thể được giảm thiểu nhờ áp dụng các biện pháp giảm thiểu phù hợp;
- Các tác động có liên quan tới công tác nạo vét chủ yếu chỉ diễn ra trong giai đoạn xây dựng tại khu vực cầu cảng. Tuy nhiên, việc nạo vét hầu như không có tác động có hại tới chất lượng nước và môi trường do không có nguồn tiếp nhận nhạy cảm nào trong khu vực này;
- Có khả năng gây ô nhiễm môi trường, gây dịch bệnh do trên công trường tập trung đông đảo công nhân trong các lán trại và thiếu điều kiện vệ sinh;
- Việc xây dựng Dự án sẽ làm mất khoảng 43,3 ha đất canh tác nông nghiệp và khoảng 47,1 ha đất các loại cây trồng, vườn tược và các loài thực vật khác. Tuy nhiên tác động tới sinh thái mang tính địa phương này có thể giảm tới mức thấp hoặc không đáng kể khi áp dụng các biện pháp quản lý và kiểm soát đã kiến nghị;
- Các tác động này được chỉ mang tính chất cục bộ trong giai đoạn xây dựng và được giảm thiểu nhờ áp dụng các biện pháp giảm thiểu.

Các tác động trong giai đoạn vận hành nhà máy:

- Có thể gây suy giảm chất lượng môi trường không khí trong và xung quanh khu vực dự án do phát tán khí thải. Tuy nhiên, khí thải từ ống khói do đốt than có tác động tới các khu vực tiếp nhận nhạy cảm (khu dân cư lân cận dự án) thấp hơn tiêu chuẩn của Việt Nam nên các tác động này được xem là ít. Khi xem xét những tác động tích lũy của Dự án cùng với NMNĐ Vũng Áng I, nồng độ dự báo của khí thải trên mặt đất tại tất cả vị trí nguồn tiếp nhận nhạy cảm với không khí (cho tất cả các thông số ô nhiễm) đều nằm trong giới hạn của tiêu chuẩn Việt Nam;

- Dự án có thể gây suy giảm chất lượng môi trường không khí tại bãi chứa xỉ do hoạt động thải tro xỉ của các nhà máy gây ra. Tuy nhiên không có tác động nào tới chất lượng đất và nước ngầm sau khi đã tiến hành các biện pháp quản lý và giảm thiểu cho công tác quản lý vật liệu, xỉ than và lớp lót chống thấm của bãi xỉ;
- Dự án có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí do công tác vận chuyển, bốc dỡ than;
- Trong giai đoạn vận hành, việc nạo vét cải tạo luồng tàu định kỳ hầu như không có tác động có hại tới chất lượng nước và môi trường do không có nguồn tiếp nhận nhạy cảm nào;
- Dự án có các tiêu cực về kinh tế xã hội như làm giảm diện tích đất nông nghiệp và hạn chế hoạt động đánh bắt thủy sản sẽ ảnh hưởng đến đời sống của nhiều người dân địa phương, nhưng mặt khác Dự án cũng có những tác động tích cực như tạo ra công ăn việc làm mới cho người dân địa phương. Ngoài ra các tác động khác như việc nhập cư lao động, ảnh hưởng tới các vấn đề xã hội, y tế và gia tăng nhu cầu lương thực phẩm. Tuy nhiên các tác động này có thể giảm thiểu nhờ các biện pháp quản lý trong kế hoạch phát triển tổng thể của KKT Vũng Áng;
- Việc không có các công trình quản lý các chất thải rắn nguy hại và không nguy hại tại khu vực là một tác động đáng kể. Tuy nhiên tác động này có thể giảm thiểu bằng việc tư vấn tới Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh để lựa chọn các đơn vị xử lý rác thích hợp;
- Dự án có tác động trung bình tới chất lượng cảnh quan tại khu vực khi thực hiện công tác xây dựng nhà máy, ống khói, cầu cảng và bãi tro xỉ. Vì khu vực Dự án nằm trong KKT Vũng Áng đã được qui hoạch cho phát triển công nghiệp, việc thực hiện các công trình của Dự án phù hợp với môi trường khu vực công nghiệp xung quanh. Các biện pháp giảm thiểu các tác động cảnh quan của Dự án cũng đã được kiến nghị;
- Những nhân tố trên có thể gây ra các tác động tiêu cực nhưng hoàn toàn có thể kiểm soát và được giảm thiểu nhờ các biện pháp công nghệ và quản lý.

Các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án:

Nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực nêu trên, Chủ đầu tư dự án thực hiện nghiêm túc các biện pháp sau đây:

- Các biện pháp bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, lắp đặt các hệ thống ngăn chặn tôm, cá cuốn vào hệ thống lấy nước làm mát;
- Lắp đặt bộ khử bụi hiệu suất $\geq 99,0\%$, hiệu suất xử lý SO_2 hiệu suất $\geq 90\%$, sử dụng công nghệ đốt giảm thiểu phát thải NO_2 ; đảm bảo nồng độ bụi thải trong khói thải $\leq 50 \text{ mg/Nm}^3$, đảm bảo nồng độ SO_2 trong khói thải $\leq 200 \text{ mg/Nm}^3$, đảm bảo nồng độ NO_2 trong khói thải $\leq 455 \text{ mg/Nm}^3$; xây dựng ống khói có chiều cao 210m, đảm bảo phát thải bụi và khí thải (SO_2 , NO_2 , CO , O_2) từ nhà máy đáp ứng QCVN 22:2009/BTNMT và QCVN 05:2013/BTNMT;

- Áp dụng các biện pháp xử lý nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT và tái sử dụng (hạn chế tối đa lượng nước thải xả ra môi trường); Nhiệt độ nước thải đảm bảo mức $\leq 40^{\circ}\text{C}$, hàm lượng clo dư $\leq 0,5\text{mg/L}$... đáp ứng các quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường với các hệ số $K_f = 1,0$, $K_q = 1,3$.
- Thực thi các biện pháp quản lý để không xảy ra các sự cố về môi trường như cháy nổ, gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, gây mất an toàn cho nhà máy cũng như cho nhân viên vận hành;
- Triển khai chương trình quản lý môi trường và mạng lưới quan trắc môi trường;
- Nhận thức rõ những tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường và sinh thái, những tính toán khoa học đã được thực hiện nhằm đánh giá phạm vi và mức độ tác động đến các đối tượng chịu tác động, kết quả tính toán đáng tin cậy. Những biện pháp quản lý kiểm soát môi trường nghiêm ngặt đã được cam kết thực hiện nhằm bảo vệ môi trường.

2. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện được chương trình giám sát môi trường đã đặt ra, Chủ đầu tư đề nghị các cơ quan quản lý và tư vấn môi trường hợp tác, giúp đỡ. Chủ đầu tư cũng đề nghị Cơ quan quản lý môi trường tỉnh Hà Tĩnh tăng cường kiểm tra giám sát thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của dự án trong giai đoạn thi công cũng như xây dựng. Chủ đầu tư cũng kiến nghị Cơ quan quản lý môi trường tỉnh Hà Tĩnh phối kết hợp ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường không mong muốn. Chủ đầu tư kiến nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh sớm có hệ thống thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại đến KKT Vũng Áng để thuận lợi cho công tác quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại của nhà máy.

3. CAM KẾT

VAPCO là chủ dự án cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng), thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3, Chương 6 của báo cáo ĐTM, cam kết tuân thủ các quy định chung về BVMT có liên quan trong các giai đoạn thực hiện dự án bao gồm:

- Các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường, các công trình xử lý ô nhiễm sẽ được thiết kế trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật, được tiến hành xây dựng trong các giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn xây dựng của dự án và đảm bảo được xây dựng hoàn chỉnh trước khi dự án đi vào hoạt động theo từng giai đoạn đến khi kết thúc dự án;
- Chủ dự án thực hiện đầy đủ trách nhiệm được nêu trong Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, của Chính phủ ngày 14 tháng 02 năm 2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường sau khi dự án được phê duyệt báo cáo ĐTM cụ thể như sau:

- Có văn bản báo cáo UBND thị xã Kỳ Anh là nơi thực hiện dự án về nội dung quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM kèm theo bản sao quyết định phê duyệt;
- Niêm yết công khai tại phường Kỳ Trinh và xã Kỳ Lợi bản tóm tắt kế hoạch quản lý môi trường, trong đó chỉ rõ: chủng loại, khối lượng các loại chất thải; công nghệ, thiết bị xử lý chất thải; mức độ xử lý theo các thông số đặc trưng của chất thải so với tiêu chuẩn quy định; các biện pháp khác về bảo vệ môi trường;
- Thiết kế, xây lắp các công trình xử lý môi trường: Trên cơ sở sơ đồ nguyên lý của các công trình xử lý môi trường đề ra trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, tiến hành việc thiết kế chi tiết và xây lắp các công trình này theo đúng quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng. Sau khi thiết kế chi tiết các công trình xử lý môi trường của dự án được phê duyệt, phải có văn bản báo cáo Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh về kế hoạch xây lắp kèm theo hồ sơ thiết kế chi tiết của các công trình xử lý môi trường để theo dõi và kiểm tra;
- Bảo vệ môi trường trong quá trình thi công dự án: Trong quá trình thi công dự án, sẽ triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với môi trường do dự án gây ra và tiến hành quan trắc môi trường theo đúng yêu cầu đặt ra trong báo cáo ĐTM được phê duyệt cũng như những yêu cầu khác nêu trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM. Trong quá trình triển khai các hoạt động thi công của dự án có những điều chỉnh, thay đổi về các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc xác nhận, phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh và chỉ được phép thực hiện sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình triển khai các hoạt động thi công và vận hành thử nghiệm dự án nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì phải dừng ngay và báo cáo kịp thời cho phòng TN&MT thị xã Kỳ Anh là nơi thực hiện dự án và Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh;
- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan QLNN và BVMT tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp BVMT của dự án; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu;
- Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường: Sau khi việc xây lắp các công trình xử lý môi trường đã hoàn thành và được nghiệm thu, phải tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường để kiểm tra các thông số về kỹ thuật và môi trường theo thiết kế đặt ra;
- Phải xây dựng kế hoạch vận hành thử nghiệm và thông báo cho sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh, phòng TN&MT thị xã Kỳ Anh và cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án để bố trí kế hoạch giám sát, kiểm tra;
- Trường hợp không đủ năng lực để tự tiến hành đo đạc và phân tích các thông số về kỹ thuật và môi trường, phải ký hợp đồng với tổ chức có đủ năng lực chuyên môn, kỹ thuật để thực hiện việc đo đạc và phân tích;
- Sau khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm, phải có văn bản báo cáo và đề nghị xác nhận kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM để xác nhận;
- Chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chương trình đào tạo về an toàn môi trường sẽ được thực hiện trong thời gian thi công và vận hành dự án. Kinh phí cho các công trình xử lý, giám sát môi trường và tập huấn sẽ được Chủ dự án đảm bảo;

- Chủ dự án cam kết trong quá trình hoạt động của dự án sẽ phối hợp cùng với NMNĐ Vũng Áng I để giải quyết các vấn đề bảo vệ môi trường có liên quan giữa NMNĐ Vũng Áng I và NMNĐ Vũng Áng II, theo các quy định pháp luật hiện hành;
- Chủ dự án cam kết trong quá trình hoạt động của dự án, nếu vi phạm công ước quốc tế, các Quy Chuẩn Việt Nam về môi trường và để xảy ra các sự cố môi trường thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật về đền bù, khắc phục sự cố môi trường trong các trường hợp sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án gây ra;
- Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật về phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sau khi dự án kết thúc vận hành.
- Chủ dự án cam kết tuân thủ các qui chuẩn kỹ thuật gồm các QCVN của Việt Nam và các TCVN đang còn hiệu lực.
- Chủ dự án cam kết nồng độ các chất bụi, SO₂, NO₂ đối với khí thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn như QCVN 22:2009/BTNMT, QCVN 05/2013/BTNMT và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan; Lắp đặt bộ khử bụi hiệu suất ≥ 99,0%, hiệu suất xử lý SO₂ hiệu suất ≥ 90%, sử dụng công nghệ đốt giảm thiểu phát thải NO₂; đảm bảo nồng độ bụi thải trong khói thải ≤ 50 mg/Nm³, đảm bảo nồng độ SO₂ trong khói thải ≤ 200 mg/Nm³, đảm bảo nồng độ NO₂ trong khói thải ≤ 455 mg/Nm³; xây dựng ống khói có chiều cao 210m, đảm bảo phát thải bụi và khí thải (SO₂, NO₂, CO, O₂) từ nhà máy đáp ứng QCVN 22:2009/BTNMT và QCVN 05:2013/BTNMT;
- Áp dụng các biện pháp xử lý nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT và tái sử dụng (hạn chế tối đa lượng nước thải xả ra môi trường); Nhiệt độ nước thải đảm bảo mức ≤ 40 °C, hàm lượng clo dư ≤ 0,5 mg/L... đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường với các hệ số K_f = 1,0, K_q = 1,3.
- Tuân thủ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án;
- Tuân thủ các văn bản pháp lý liên quan đến lĩnh vực tái sử dụng tro, xỉ như các Quyết định số 523/TTg-CN ngày 20/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc các vươngng mắc một số quy định tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017; Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các NMNĐ, nhà máy hoá chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng.
- Chủ dự án cam kết kiểm soát nhiệt độ, Clo dư trong nước làm mát trước khi xả ra môi trường đáp ứng quy chuẩn và các tiêu chuẩn hiện hành cũng như cam kết thực hiện đúng quy trình vận hành và kiểm soát nước thải sau xử lý của hệ thống SW-FGD.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	313
1. KẾT LUẬN	313
2. KIẾN NGHỊ	316
3. CAM KẾT	316